

Số: 2400/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường  
thuộc dự án Xây dựng đường Hùng Vương nối dài, huyện Bù Đốp**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy  
định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng  
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây  
dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh  
ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước  
thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định  
số 31/2020/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh);*

*Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND  
tỉnh về việc Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai  
đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 649/TTr-  
STNMT ngày 29/11/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở bồi thường thuộc dự án Xây dựng  
đường Hùng Vương nối dài, huyện Bù Đốp cụ thể như sau:

**1. Mục đích định giá đất:** Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi  
thường khi nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Xây dựng đường Hùng Vương nối dài  
thuộc huyện Bù Đốp.

**2. Thông tin về khu đất cần định giá**

- a) Vị trí đất thu hồi tại thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.
- b) Diện tích thu hồi đất: 15.366,8 m<sup>2</sup>.
- c) Mục đích sử dụng: Đất ở, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm  
(đất trồng lúa).
- d) Thời điểm định giá: Tháng 9/2022.

### 3. Kết quả xác định giá đất.

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
A	<b>ĐẤT Ở</b>			
1	<b>Các thửa đất tiếp giáp đường Lê Duẩn (đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ - đường D11 đến Ngã ba nhà ông Luyện)</b>			
	<i>Phạm vi 1 (25m đầu)</i>	1.500.000	9.705.000	6,47
	<i>Phạm vi 2 (Từ trên 25m đến 50m)</i>	750.000	4.852.500	6,47
	<i>Phạm vi 3 (Từ trên 50m đến 100m)</i>	600.000	3.882.000	6,47
2	<b>Các thửa đất tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Lê Duẩn (ĐT 759) đến Bệnh viện Bù Đốp (cầu số 1 - ông Điều Tài cũ)</b>			
	<i>Phạm vi 1 (25m đầu)</i>	1.350.000	9.128.000	6,76
	<i>Phạm vi 2 (Từ trên 25m đến 50m)</i>	675.000	4.564.000	6,76
	<i>Phạm vi 3 (Từ trên 50m đến 100m)</i>	540.000	3.651.200	6,76
3	<b>Các thửa đất tiếp giáp các tuyến đường còn lại của các ấp thuộc thị trấn Thanh Bình.</b>			
	<i>Phạm vi 1 (25m đầu)</i>	200.000	1.144.000	5,72
	<i>Phạm vi 2 (Từ trên 25m đến 50m)</i>	150.000	572.000	3,81
	<i>Phạm vi 3 (Từ trên 50m đến 100m)</i>	150.000	457.600	3,05
4	<b>Các thửa đất không tiếp giáp đường, cách đường 4m (thuộc các tuyến đường còn lại) của các ấp thuộc thị trấn Thanh Bình</b>			
	<i>Trong phạm vi 25m</i>	150.000	343.200	2,29
B	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>			



STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
<b>I</b>	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí 1 - Khu vực 1: Các thửa đất tiếp giáp đường Lê Duẩn (đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ - đường D11 đến Ngã ba nhà ông Luyện) và Các thửa đất tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bệnh viện Bù Đốp (cầu số 1 - ông Điều Tài cũ).</b>			
1.1	Các thửa đất tiếp giáp đường Lê Duẩn (đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ - đường D11 đến Ngã ba nhà ông Luyện).			
	<i>Từ phạm vi 1 đến phạm vi 2</i>	200.000	380.000	1,90
	<i>Phạm vi 3</i>	180.000	380.000	2,11
	<i>Phạm vi 4</i>	135.000	380.000	2,81
	<i>Phạm vi 5</i>	90.000	380.000	4,22
1.2	Các thửa đất tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bệnh viện Bù Đốp (cầu số 1 - ông Điều Tài cũ)			
	<i>Từ phạm vi 1 đến phạm vi 2</i>	200.000	380.000	1,90
	<i>Phạm vi 3</i>	162.000	380.000	2,35
	<i>Phạm vi 4</i>	121.500	380.000	3,13
	<i>Phạm vi 5</i>	81.000	380.000	4,69
<b>2</b>	<b>Vị trí 3 - Khu vực 1: Các thửa đất mặt tiền đường giao thông còn lại.</b>			
	<i>Phạm vi 1</i>	60.000	183.000	3,05
	<i>Phạm vi 2</i>	45.000	183.000	4,07
	<i>Phạm vi 3</i>	45.000	183.000	4,07
	<i>Phạm vi 4</i>	45.000	183.000	4,07
	<i>Phạm vi 5</i>	45.000	183.000	4,07

STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
3	<b>Vị trí 4 - Khu vực 1:</b> Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường). - Từ phạm vi 1 đến phạm vi 5.	45.000	157.000	3,49
II	<b>Đất trồng cây hàng năm (đất trồng lúa)</b>			
1	<b>Vị trí 1 - Khu vực 1:</b> Các thửa đất tiếp giáp đường Lê Duẩn (đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ - đường D11 đến Ngã ba nhà ông Luyện) và Các thửa đất tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bệnh viện Bù Đốp (cầu số 1 - ông Điều Tài cũ).			
1.1	Các thửa đất tiếp giáp đường Lê Duẩn (đoạn từ Ngã ba Sở Nhỏ - đường D11 đến Ngã ba nhà ông Luyện).			
	Từ phạm vi 1 đến phạm vi 2	200.000	360.000	1,80
	Phạm vi 3	180.000	360.000	2,00
	Phạm vi 4	135.000	360.000	2,67
	Phạm vi 5	90.000	360.000	4,00
1.2	Các thửa đất tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bệnh viện Bù Đốp (cầu số 1 - ông Điều Tài cũ)			
	Từ phạm vi 1 đến phạm vi 2	200.000	360.000	1,80
	Phạm vi 3	162.000	360.000	2,22
	Phạm vi 4	121.500	360.000	2,96
	Phạm vi 5	81.000	360.000	4,44
2	<b>Vị trí 3 - Khu vực 1:</b> Các thửa đất mặt tiền đường giao thông còn lại.			
	Phạm vi 1	60.000	146.400	2,44



STT	Khu vực, vị trí, phạm vi đất	Giá đất UBND tỉnh (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
	Phạm vi 2	45.000	146.400	3,25
	Phạm vi 3	45.000	146.400	3,25
	Phạm vi 4	45.000	146.400	3,25
	Phạm vi 5	45.000	146.400	3,25
3	<b>Vị trí 4 - Khu vực 1: Các vị trí đất còn lại (không tiếp giáp đường).</b> - Từ phạm vi 1 đến phạm vi 5.	45.000	130.700	2,90

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Giám đốc Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng TNMT QĐ 114).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Anh Minh*